Mẫu số: D20 -THADS
(Ban hành theo TT số: 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp)

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH CÀ MAU **CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THÀNH PHỐ CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1030/TB-CCTHADS	*TP. Cà Mau, ngày 07 tháng 10 năm 2022*

THÔNG BÁO
Về việc bán đấu giá tài sản (lần 17)
(Khu vực kho lạnh 2.000 tấn)

Căn cứ Bản án số 19/2014/KDTM-ST ngày 16/9/2014 của TAND thành phố Cà Mau;

Căn cứ Bản án số 10/2018/KDTM-ST ngày 09/7/2018 của TAND thành phố Cà Mau;

Căn cứ Bản án số 09/2018/KDTM-PT ngày 12/10/2018 của TAND tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 2151/QĐ-CCTHA ngày 19/6/2015 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự (THADS) thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1318/QĐ-CCTHADS ngày 26/02/2019 của Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-CCTHADS ngày 20/6/2019 của Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố Cà Mau về việc cưỡng chế kê biên tài sản, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-CCTHADS ngày 21/6/2019 của Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố Cà Mau về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án;

Căn cứ Biên bản ngày 27/6/2019 của Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố Cà Mau về việc kê biên, xử lý tài sản;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-CCTHADS ngày 06/10/2022 của chấp hành viên Chi cục THADS thành phố Cà Mau về việc giảm giá tài sản (lần 14);

Căn cứ Hợp đồng Dịch vụ Đấu giá tài sản số 136/HĐDVĐG/2022 ngày 06/10/2022 giữa Chi cục THADS thành phố Cà Mau và Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Thông báo số 136/TB-ĐGTS ngày 07/10/2022 của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau về việc đấu giá tài sản để THADS.

Chi cục THADS thành phố Cà Mau tổ chức bán đấu giá tài sản của Công ty TNHH Nhật Đức, địa chỉ: số 234, Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau và tài sản của ông Huỳnh Trần Minh Nhật, trú tại số 197, đường Nguyễn Du, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, như sau:

I. Tài sản của Công ty TNHH Nhật Đức (Khu vực Kho lạnh 2.000 tấn):

1. Quyền sử dụng đất:

Stt	Tên tài sản	Loại đất	Diện tích *(m²)*	Giá trị *(Vnđ)*
1.1	Quyền sử dụng đất (Số AP 961555).		4.764,4	**5.718.597.353**
a	*Diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*	*SKC*	*4.541,0*	5.581.307.751
b	*Diện tích ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*	*Đất nông nghiệp*	*223,4*	137.289.602
1.2	Quyền sử dụng đất (Số AP 961554).	SKC	5.233,3	**7.059.740.810**
	Tổng cộng (1+2)			**12.778.338.163**

2. Công trình xây dựng đã qua sử dụng gắn liền với đất:

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	Thành tiền (Vnđ)
2.1	Cổng ra vào + Tường rào khu vực kho lạnh (2x2.000 tấn)			**205.859.037**
a	*Cổng ra vào*	*Công trình*	*1,00*	4.345.290
b	*Tường rào*	*md*	*505,42*	201.513.747
2.2	Kho vật tư 2	m²	266,70	117.084.168
2.3	Nhà bao che và kho lạnh (2x2.000 tấn)	m²	1.701,0	2.944.806.688
2.4	Mái che khu phụ trước kho lạnh	m²	378,0	30.198.796
2.5	Mái che khu phụ sau kho lạnh	Công trình	1,0	57.287.689
2.6	Nhà ở khu tập thể - Dãy 1	m²	632,41	468.269.955

2.7	Nhà ở khu tập thể - Dãy 2	m^2	612,0	441.232.115
2.8	Nhà ở khu tập thể - Dãy 3	m^2	612,0	441.232.115
2.9	Nhà ở khu tập thể - Dãy 4	m^2	612,0	441.232.115
2.10	Nhà bảo vệ	m^2	13,5	4.451.714
2.11	Nền sau kho lạnh.	m^2	235,18	12.690.348
2.12	Nền bên hông kho lạnh	m^2	124,2	6.701.851
2.13	Sân đường nội bộ và lối đi tập thể.	m^2	2.131,29	137.047.295
2.14	Hố gas	cái	3,0	207.747
2.15	Sân bóng	m^2	1.207,5	70.586.017
2.16	Bồn hoa dọc lối ra	Bồn	2	5.533.914
2.17	Giếng nước	Công trình	1	3.447.455
	Tổng cộng			**5.387.869.017**

3. Máy móc thiết bị đã qua sử dụng, đường dây trung thế:

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	Thành tiền (Vnđ)
3.1	Đường dây trung thế 400 KVA	Hệ thống	1	53.586.023
3.2	Hệ thống thiết bị kho lạnh 2.000 tấn.	Hệ thống	1	52.617.438
3.3	Hệ thống kệ chứa hàng trong kho 2.000 tấn	Hệ thống	1	648.960.690
	Tổng cộng			**755.164.151**

II. Tài sản cá nhân của ông Huỳnh Trần Minh Nhật (Khu vực Kho lạnh 2.000 tấn):

1. Cây trồng trên đất:

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	Thành tiền *(Vnđ)*

1.1	Cây Mận	Cây	2	143.894
1.2	Cây Sung.	Cây	1	149.890
1.3	Cây Si.	Cây	1	2.098.451
1.4	Cây Si cổ thụ trồng trong bồn xây xi măng	Bồn	2	11.991.143
1.5	Cây lộc vừng	Cây	1	59.956
1.6	Cây Mít nhỏ	Cây	6	449.668
1.7	Cây Mít lớn.	Cây	2	212.843
1.8	Cây xồi nhỏ	Cây	2	149.890
1.9	Cây xồi lớn	Cây	2	212.843
1.10	Cây xà cừ nhỏ	Cây	3	179.867
1.11	Cây xà cừ lớn	Cây	1	74.946
1.12	Cây hồng yến	Cây	10	449.668
1.13	Mai chiếu thủy trồng trong bồn xây xi măng	Bồn	5	1.798.672
1.14	Cây sứ trồng trong bồn xây xi măng.	Bồn	2	899.336
	Tổng cộng			**18.871.064**

III. Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá là: 18.940.242.395 đồng (Mười tám tỷ chín trăm bốn mươi triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm chín mươi lăm đồng).

IV. Thời gian và địa điểm bán đấu giá: Lúc 08 giờ 00 phút, ngày 03/11/2022 tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau, địa chỉ: số 07, đường Huyền Trân Công Chúa, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

V. Thời gian và địa điểm nộp đơn đăng ký mua tài sản: Từ ngày thông báo đến hết 16 giờ 00 phút, ngày 31/10/2022, tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau.

VI. Thời gian và địa điểm xem tài sản: Trong 02 ngày, ngày 17/10/2022 và ngày 18/10/2022, tại nơi có tài sản, địa chỉ: ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

VII. Tiền đặt trước: 20% của giá khởi điểm, nộp vào tài khoản số 023.002.494.810.001 của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Cà Mau mở tại Ngân hàng TMCP Đông Á – chi nhánh Cà Mau.

Trước khi mở cuộc đấu giá một ngày làm việc, Công ty TNHH Nhật Đức, ông Huỳnh Trần Minh Nhật, có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ số tiền phải thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, định giá, tổ chức bán đấu giá đồng thời có trách nhiệm hoàn trả phí tổn thực tế, hợp lý cho người đăng ký mua tài sản./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Định Bình;
- VKSND TP Cà Mau;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Hứa Văn Út